

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/7/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Diệp Thị Nét.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Thạch Đa Ra  
2/ Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa*

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981  
Địa chỉ: Tổ 5, phường Kỳ S, thành phố H, tỉnh H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1985  
Địa chỉ: Số 78/22D, Trần Phú, khóm 1, phường 2, thành phố T, tỉnh T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph sau thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, nên ngày 06/9/2008 chúng tôi đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Bà H và ông Ph không có con chung. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đã nhiều lần hòa giải để cùng nhau chăm lo cuộc sống gia đình nhưng vẫn không thể

hàn gắn được mà vợ chồng cãi nhau càng trầm trọng hơn, từ năm 2010 ông Ph về sống với cha mẹ ruột tại khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh cho đến nay, cả hai đều bỏ mặt nhau và đã có cuộc sống riêng tư. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định, bà với ông Nguyễn Thanh Ph không có con chung nên bà Hà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định, bà với ông Nguyễn Thanh Ph không có tài sản chung nên bà Hà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác định, bà với ông Nguyễn Thanh Ph không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, nên bà Hà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:

Thông nhất theo lời trình của bà Nguyễn Thị Thu H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng ông, bà tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố T, tỉnh T kết hôn vào ngày 06/9/2008. Sau khi kết hôn bà H và ông Ph về Hòa Bình bên bà Hà ở được 06 tháng nhưng do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nên cuối năm 2008 ông Ph về bên cha mẹ ruột tại thành phố T ở cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph, do ông Ph ông không còn tình cảm với bà Hà nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh Ph xác định, ông với bà Nguyễn Thị Thu H không có con chung nên bà Hà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh Ph xác định, ông với bà Nguyễn Thị Thu H không có tài sản chung nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh Ph xác định, ông với bà Nguyễn Thị Thu H không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không yêu cầu phản tố và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph là phù hợp với Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn tại số 78/22D, Trần Phú, khóm 1, phường 2, thành phố T, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph cùng có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph là đúng với quy định của pháp luật theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố T, tỉnh T vào ngày 06/9/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Ph về ở bên bà H tại tỉnh Hòa Bình, trong quá trình chung sống hai vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm, từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy ông Ph bất mãn, chán nản đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2008 nhưng bà H cũng không đi tìm, không có bất cứ động thái gì để hàn gắn lại cuộc hôn nhân. Mặt khác bà H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn vợ chồng. Đồng thời tại biên tự khai của ông Nguyễn Thanh Ph (bút lục số 28-29-30) xác định không còn tình cảm với bà H và đồng ý ly hôn với bà H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Phong là hợp lý.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều khẳng định, ông, bà không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều khẳng định, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều khẳng định, ông, bà không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh Ph đều khẳng định, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thu H đã đóng theo biên lai thu số 0010203 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Thanh Ph không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Số 34, ngày 06/9/2008);
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Diệp Thị Nết**

